

Thanh khoản gia tăng trở lại

Trong tuần 31, thanh khoản trên thị trường đảo chiều tăng nhẹ trở lại. Cụ thể, khối lượng và giá trị giao dịch trong tuần ghi nhận ở mức 364.3 triệu chứng quyền/663.0 tỷ đồng, tăng 4.6%/ tăng 11.7% so với tuần liền trước.

Đối với giá trị giao dịch theo tài sản cơ sở, HPG và VPB là những tài sản cơ sở có chứng quyền thu hút phần lớn hoạt động giao dịch với 27% tổng giá trị giao dịch. Xếp sau đó là các chứng quyền của các cổ phiếu như STB, MSN, MBB và MWG.

Đối với các mã chứng quyền có thời gian đáo hạn trên 1 tháng, biến động tăng ghi nhận ở các mã CSHB2509 (+45.6%), CSHB2506 (+42.9%) và CSHB2503 (+32.2%). Ở hướng ngược lại, biến động giảm ghi nhận ở các mã CHPG2510 (-53.6%), CLPB2505 (-52.4%) và CSSB2505 (-50.3%).

Trong tuần vừa qua, hoạt động giao dịch trên thị trường chứng quyền ghi nhận diễn biến khi thanh khoản gia tăng. Tuy nhiên, số lượng chứng quyền giảm giá hiện đang chiếm ưu thế, hàm ý tâm lý thận trọng. Dựa trên kết quả định giá bằng mô hình Black-Scholes, một số mã chứng quyền đang được định giá thấp (undervalued), nổi bật gồm: CVIB2507, CVPB2506 và CVHM2506. Ở hướng ngược lại, các mã như CVHM2512, CVIC2506 và CVIC2509 đang trong trạng thái bị định giá cao (overvalued), theo thống kê trên tổng số 246 mã chứng quyền được định giá.

Bảng 1. Thống kê thị trường

Chứng quyền	246
Khối lượng giao dịch (tr.CQ)	364
Giá trị giao dịch (tỷ đồng)	664
CW tăng giá	57
CW giảm giá	179
CW tham chiếu	10

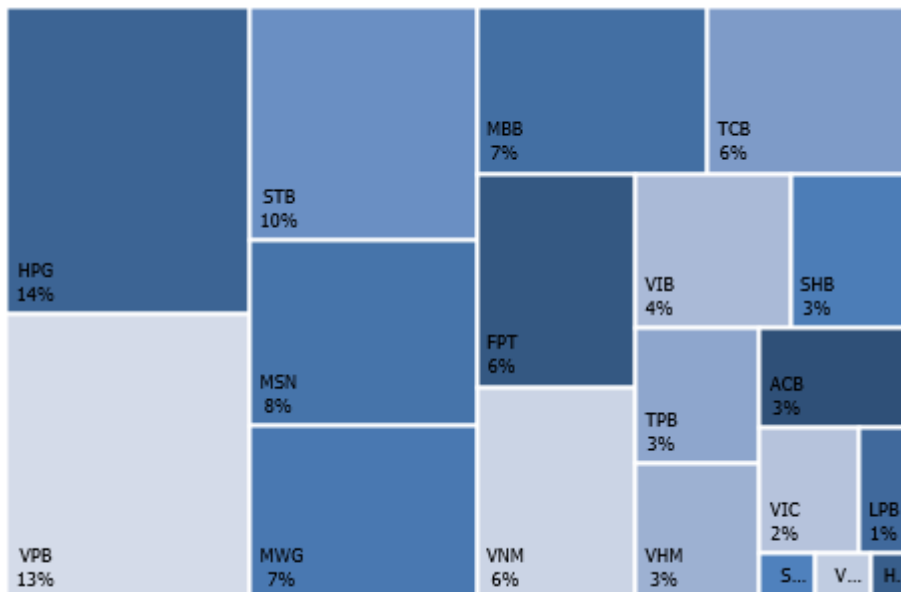
Nguồn: FiinproX, KIS Research

Bảng 2. Định giá chứng quyền

Chứng quyền	246
Định giá thấp	15
Định giá cao	231

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Hình 1. Giá trị giao dịch của CW theo TSCS



Nguồn: FiinproX, KIS Research

Bảng 3. Top CW định giá thấp

Mã	Giá thị trường	Giá nội tại	Chênh lệch
CVIB2507	1,900	2,435	(535)
CVPB2506	3,010	3,207	(197)
CVHM2506	7,610	7,799	(189)

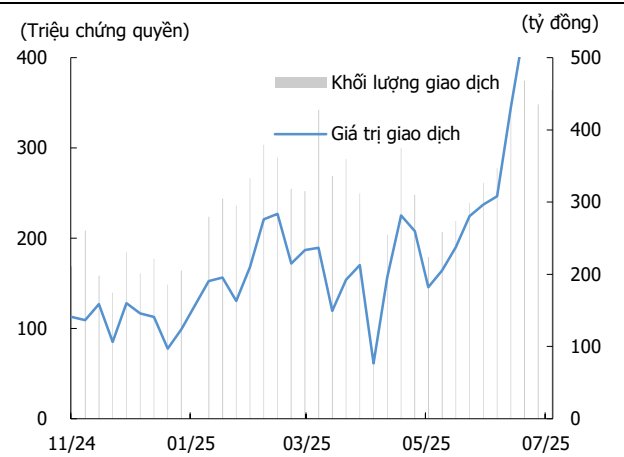
Nguồn: FiinproX, KIS Research

Ghi chú: Tính đến cuối phiên thứ Sáu gần nhất

Phòng phân tích

Researchdept@kisvn.vn

Hình 2. Khối lượng và giá trị giao dịch CW



Nguồn: FiinproX, KIS Research

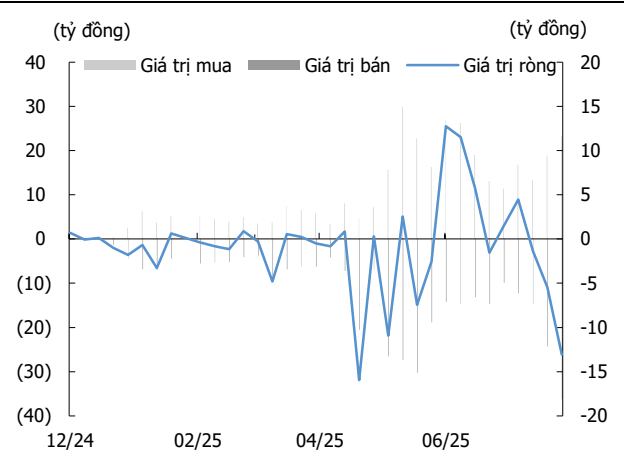
Bảng 4. Top 10 giá trị giao dịch

(đồng, % tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngày đáo hạn	Giá	%	Giá trị giao dịch
CVPB2501	23/10/2025	3,320	6.8	28.3
CHPG2406	24/10/2025	910	(26.6)	24.1
CHPG2518	18/05/2026	1,770	(18.1)	20.8
CSTB2515	18/05/2026	4,330	(1.4)	19.7
CHPG2504	23/10/2025	1,520	(28.3)	17.1
CSTB2410	31/10/2025	4,100	4.6	17.0
CFPT2514	10/10/2025	950	(7.8)	16.3
CVPB2409	31/10/2025	2,340	10.9	14.3
CMBB2511	18/05/2026	1,630	(17.7)	14.3
CVNM2511	18/05/2026	1,850	(19.9)	13.1

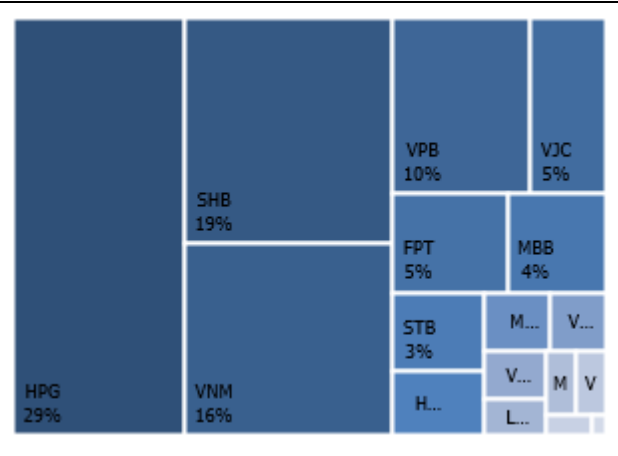
Nguồn: FiinproX, KIS Research

Hình 3. Giá trị mua/bán ròng của khối ngoại



Nguồn: FiinproX, KIS Research

Hình 4. Hoạt động giao dịch nước ngoài theo TSCS



Nguồn: FiinproX, KIS Research

Bảng 5. Top 3 nước ngoài mua ròng

(đồng, %tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngày đáo hạn	Giá	%	Mua	Bán	Ròng
CSHB2503	17/09/2025	2,670	32.2	1.87	(0.24)	1.63
CHPG2512	17/09/2025	730	(12.1)	1.93	(1.00)	0.93
CVJC2503	17/09/2025	1,160	(34.5)	0.92	(0.01)	0.91

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Bảng 6. Top 3 nước ngoài bán ròng

(đồng, %tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngày đáo hạn	Giá	%	Mua	Bán	Ròng
CVIC2510	01/12/2025	2,180	(33.9)	0.22	(4.56)	(4.34)
CSHB2504	17/11/2025	2,710	23.8	1.53	(5.51)	(3.98)
CMSN2506	17/09/2025	640	(36.3)	1.37	(2.93)	(1.56)

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Bảng 7. CW và TSCS

(Tỷ đồng, % tuần, Tỷ đồng, Chứng quyền)

TSCS	Tên	Ngành	Vốn hóa	Sở hữu nước ngoài	Số chứng quyền	Vốn hóa CW	Giá trị giao dịch	Khối lượng giao dịch
ACB	Ngân hàng Á Châu	Tài chính	118,143.1	30.0%	8	77,100.0	18.3	11,239,400.0
BCM	Becamex IDC	Bất động sản	72,346.5	2.1%				
BID	BIDV	Tài chính	261,194.7	17.4%				
BVH	Tập đoàn Bảo Việt	Tài chính	37,116.1	27.2%				
CTG	VietinBank	Tài chính	237,890.6	27.2%				
FPT	FPT Corp	CNTT	182,275.3	40.1%	17	124,893.0	40.8	38,800,841.0
GAS	PV Gas	DV tiện ích	158,364.7	1.8%				
GVR	Tập đoàn CN Cao su VN	Nguyên vật liệu	118,800.0	0.7%				
HDB	HDBank	Tài chính	94,366.6	17.5%	3	8,390.0	2.3	2,375,112.0
HPG	Hòa Phát	Nguyên vật liệu	193,038.0	21.9%	26	316,278.0	90.2	63,410,390.0
MBB	MBBank	Tài chính	165,676.7	23.2%	15	282,611.0	46.3	20,726,350.0
MSN	Tập đoàn Masan	TD thiết yếu	104,828.9	25.4%	15	143,760.0	50.5	28,505,600.0
MWG	Thế giới di động	TD không thiết yếu	96,395.4	48.7%	13	184,531.0	47.6	28,436,600.0
SHB	Ngân hàng Sài Gòn	Tài chính	70,735.4	5.5%	8	45,010.0	22.7	10,634,700.0
SSB	Ngân hàng Đông Nam Á	Tài chính	55,762.0	0.3%	7	2,590.0	3.1	8,502,453.0
PLX	Petrolimex	Năng lượng	45,487.2	16.7%				
LPB	Ngân hàng Lạc Phát	Tài chính	103,061.2	0.9%	8	31,560.0	8.1	12,650,300.0
SAB	SABECO	TD thiết yếu	61,498.9	59.0%				
SSI	Chứng khoán SSI	Tài chính	65,466.2	41.5%				
STB	Sacombank	Tài chính	93,129.7	20.0%	20	494,005.0	63.8	17,062,800.0
TCB	Techcombank	Tài chính	240,911.4	22.5%	12	219,803.0	41.1	16,285,938.0
TPB	Ngân hàng Tiên Phong	Tài chính	41,478.7	24.5%	4	39,262.0	20.5	10,185,700.0
VCB	Vietcombank	Tài chính	503,011.6	22.0%				
VHM	Vinhomes	Bất động sản	369,256.3	10.5%	17	975,800.0	20.4	3,871,300.0
VIB	VIBBank	Tài chính	64,676.1	5.0%	9	144,134.0	28.9	15,327,100.0
VIC	VinGroup	Bất động sản	397,660.8	6.9%	8	494,830.0	14.9	2,627,120.0
VJC	Vietjet Air	Công nghiệp	70,401.7	7.9%	3	3,480.0	3.1	2,306,717.0
VNM	VINAMILK	TD thiết yếu	125,397.3	49.1%	17	90,890.0	40.7	33,068,776.0
VPB	VPBank	Tài chính	204,695.2	25.6%	19	568,490.0	83.7	28,130,700.0
VRE	Vincom Retail	Bất động sản	64,647.5	18.4%	17	294,210.0	15.2	8,429,800.0

Nguồn: Bloomberg, FiinproX, KIS Research

Ghi chú: CW: Chứng quyền và TSCS: Tài sản cơ sở

Bảng 8. CW trên thị trường

(đồng, %)

Stt	Mã	CW			TSCS				% Premium	Số phiên còn lại	Ngày giao dịch cuối cùng
		Tỷ lệ chuyển đổi	Giá phát hành	Giá đóng cửa	TSCS	Giá thực hiện	Giá hòa vốn	Giá đóng cửa			
1	CFPT2507	6.8997 : 1	3,400	50	FPT	133,682	134,027	107,000	(20.9)	4	01/08/2025
2	CHPG2509	2.4982 : 1	1,700	890	HPG	23,316	25,539	25,150	(1.3)	4	01/08/2025
3	CMBB2508	2.0000 : 1	2,200	2,120	MBB	23,000	27,240	27,150	(0.1)	4	01/08/2025
4	CFPT2405	8.5649 : 1	2,900	270	FPT	115,625	117,938	107,000	(10.1)	13	12/08/2025
5	CHPG2410	3.3309 : 1	1,300	960	HPG	23,316	26,514	25,150	(5.0)	13	12/08/2025
6	CTCB2404	5.0000 : 1	1,000	1,870	TCB	25,000	34,350	34,100	(0.7)	13	12/08/2025
7	CVHM2409	5.0000 : 1	1,500	9,610	VHM	42,000	90,050	89,900	0.7	13	12/08/2025
8	CVPB2410	2.9206 : 1	1,200	1,780	VPB	20,444	25,643	25,800	(1.5)	13	12/08/2025
9	CVRE2408	3.0000 : 1	1,100	2,780	VRE	20,000	28,340	28,450	(0.4)	13	12/08/2025
10	CHDB2503	4.0000 : 1	1,000	950	HDB	25,555	29,355	27,000	(9.0)	49	17/09/2025
11	CHPG2512	3.3309 : 1	1,000	730	HPG	24,888	27,320	25,150	(7.8)	49	17/09/2025
12	CMSN2506	10.0000 : 1	1,000	640	MSN	75,555	81,955	72,500	(11.5)	49	17/09/2025
13	CSHB2503	1.9270 : 1	1,000	2,670	SHB	12,332	17,477	17,400	(4.8)	49	17/09/2025
14	CSSB2502	4.0000 : 1	1,000	270	SSB	21,234	22,314	19,600	(12.3)	49	17/09/2025
15	CSTB2508	4.0000 : 1	1,000	2,280	STB	40,999	50,119	49,400	(1.8)	49	17/09/2025
16	CVHM2506	5.0000 : 1	1,000	7,610	VHM	51,111	89,161	89,900	1.7	49	17/09/2025
17	CVIC2505	5.0000 : 1	1,000	10,650	VIC	55,555	108,805	104,000	(1.4)	49	17/09/2025
18	CVJC2503	10.0000 : 1	1,000	1,160	VJC	109,999	121,599	119,000	(1.9)	49	17/09/2025
19	CVNM2507	7.7265 : 1	1,000	380	VNM	65,460	68,396	60,000	(10.1)	49	17/09/2025
20	CVPB2508	1.9471 : 1	1,000	2,380	VPB	21,093	25,727	25,800	(1.9)	49	17/09/2025
21	CVRE2507	4.0000 : 1	1,000	2,130	VRE	19,888	28,408	28,450	(0.7)	49	17/09/2025
22	CHPG2502	2.4982 : 1	2,000	1,000	HPG	22,900	25,398	25,150	(0.8)	56	24/09/2025
23	CSTB2502	3.0000 : 1	2,800	5,260	STB	35,500	51,280	49,400	(4.0)	56	24/09/2025
24	CVPB2506	1.9471 : 1	1,200	3,010	VPB	19,666	25,527	25,800	(1.1)	66	02/10/2025
25	CACB2505	2.5068 : 1	1,470	1,070	ACB	21,977	24,659	23,000	(6.9)	69	07/10/2025
26	CMWG2505	5.9149 : 1	1,720	1,580	MWG	60,135	69,481	65,200	(5.2)	69	07/10/2025
27	CSTB2505	3.0000 : 1	1,990	3,610	STB	40,000	50,830	49,400	(3.2)	69	07/10/2025
28	CVNM2504	5.7949 : 1	1,640	720	VNM	62,778	66,950	60,000	(8.2)	69	07/10/2025
29	CACB2507	1.6712 : 1	2,000	1,600	ACB	20,890	23,564	23,000	(2.6)	74	10/10/2025
30	CFPT2514	8.6247 : 1	2,300	950	FPT	103,495	111,688	107,000	(5.1)	74	10/10/2025
31	CHPG2519	1.6654 : 1	2,100	2,130	HPG	22,483	26,030	25,150	(3.2)	74	10/10/2025
32	CLPB2502	4.6575 : 1	1,100	480	LPB	34,466	36,702	34,500	(6.4)	74	10/10/2025
33	CMBB2512	2.0000 : 1	1,800	1,570	MBB	25,000	28,140	27,150	(3.3)	74	10/10/2025
34	CMSN2513	5.0000 : 1	2,200	1,900	MSN	65,000	74,500	72,500	(2.6)	74	10/10/2025
35	CMWG2512	4.9291 : 1	1,900	1,170	MWG	64,078	69,845	65,200	(5.7)	74	10/10/2025
36	CSTB2516	2.0000 : 1	3,000	3,940	STB	43,000	50,880	49,400	(3.3)	74	10/10/2025
37	CTCB2508	2.0000 : 1	2,100	1,930	TCB	32,000	35,860	34,100	(4.9)	74	10/10/2025
38	CVHM2513	5.0000 : 1	1,300	3,490	VHM	74,000	91,450	89,900	(0.8)	74	10/10/2025
39	CVIB2506	1.7565 : 1	1,600	1,990	VIB	15,808	19,303	19,000	(1.3)	74	10/10/2025
40	CVNM2512	4.8291 : 1	1,800	960	VNM	58,915	63,551	60,000	(3.3)	74	10/10/2025
41	CVPB2514	1.9471 : 1	1,500	4,230	VPB	17,524	25,760	25,800	(2.0)	74	10/10/2025
42	CVRE2514	2.0000 : 1	1,400	860	VRE	30,000	31,720	28,450	(11.0)	74	10/10/2025
43	CHPG2513	3.3309 : 1	1,000	740	HPG	25,721	28,186	25,150	(10.6)	80	16/10/2025
44	CMSN2507	10.0000 : 1	1,000	620	MSN	77,999	84,199	72,500	(13.8)	80	16/10/2025
45	CSTB2509	4.0000 : 1	1,000	2,150	STB	42,999	51,599	49,400	(4.6)	80	16/10/2025

46	CVHM2507	5.0000 : 1	1,000	7,810	VHM	53,333	92,383	89,900	(1.8)	80	16/10/2025
47	CVIC2506	5.0000 : 1	1,000	11,500	VIC	57,777	115,277	104,000	(7.0)	80	16/10/2025
48	CVRE2508	4.0000 : 1	1,000	1,930	VRE	20,888	28,608	28,450	(1.4)	80	16/10/2025
49	CHPG2508	1.6654 : 1	2,000	2,190	HPG	22,483	26,130	25,150	(3.6)	83	21/10/2025
50	CTCB2506	4.0000 : 1	1,100	2,510	TCB	25,000	35,040	34,100	(2.6)	83	21/10/2025
51	CVRE2505	2.0000 : 1	1,000	5,750	VRE	17,000	28,500	28,450	(1.0)	83	21/10/2025
52	CACB2503	1.6712 : 1	2,100	1,020	ACB	22,562	24,267	23,000	(5.4)	87	23/10/2025
53	CFPT2502	8.6247 : 1	2,400	220	FPT	146,619	148,516	107,000	(28.6)	87	23/10/2025
54	CHPG2504	1.6654 : 1	2,200	1,520	HPG	24,149	26,680	25,150	(5.5)	87	23/10/2025
55	CMBB2503	1.7377 : 1	1,900	3,000	MBB	22,590	27,803	27,150	(2.2)	87	23/10/2025
56	CMSN2503	5.0000 : 1	2,600	1,270	MSN	75,000	81,350	72,500	(10.8)	87	23/10/2025
57	CMWG2503	4.9291 : 1	2,400	1,510	MWG	62,106	69,549	65,200	(5.3)	87	23/10/2025
58	CSTB2504	2.0000 : 1	2,700	6,250	STB	38,000	50,500	49,400	(2.6)	87	23/10/2025
59	CTCB2503	2.0000 : 1	2,000	4,520	TCB	26,000	35,040	34,100	(2.6)	87	23/10/2025
60	CVHM2502	5.0000 : 1	1,300	8,970	VHM	45,000	89,850	89,900	0.9	87	23/10/2025
61	CVIB2502	1.6895 : 1	1,500	1,200	VIB	17,740	19,767	19,000	(3.6)	87	23/10/2025
62	CVIC2502	5.0000 : 1	1,300	12,450	VIC	45,000	107,250	104,000	(0.0)	87	23/10/2025
63	CVNM2502	4.7916 : 1	2,300	590	VNM	63,249	66,076	60,000	(7.0)	87	23/10/2025
64	CVPB2501	1.9471 : 1	1,600	3,320	VPB	19,471	25,935	25,800	(2.6)	87	23/10/2025
65	CVRE2503	2.0000 : 1	1,600	5,280	VRE	18,000	28,560	28,450	(1.2)	87	23/10/2025
66	CHPG2406	3.3309 : 1	1,300	910	HPG	23,316	26,347	25,150	(4.4)	88	24/10/2025
67	CFPT2404	12.8473 : 1	2,600	900	FPT	103,635	115,198	107,000	(8.0)	95	31/10/2025
68	CHPG2409	2.4982 : 1	2,300	2,000	HPG	20,818	25,814	25,150	(2.4)	95	31/10/2025
69	CMBB2407	1.7377 : 1	2,600	2,990	MBB	22,590	27,786	27,150	(2.1)	95	31/10/2025
70	CMSN2406	6.0000 : 1	2,700	780	MSN	79,000	83,680	72,500	(13.3)	95	31/10/2025
71	CMWG2407	5.9149 : 1	2,200	660	MWG	69,007	72,911	65,200	(9.6)	95	31/10/2025
72	CSTB2410	3.0000 : 1	2,200	4,100	STB	38,000	50,300	49,400	(2.2)	95	31/10/2025
73	CTCB2403	5.0000 : 1	1,200	1,860	TCB	26,000	35,300	34,100	(3.3)	95	31/10/2025
74	CVHM2408	4.0000 : 1	2,600	13,080	VHM	38,000	90,320	89,900	0.4	95	31/10/2025
75	CVIB2407	1.6895 : 1	2,400	2,390	VIB	15,205	19,243	19,000	(1.0)	95	31/10/2025
76	CVNM2407	5.7499 : 1	2,500	500	VNM	65,165	68,040	60,000	(9.7)	95	31/10/2025
77	CVPB2409	1.9471 : 1	1,800	2,340	VPB	21,418	25,974	25,800	(2.8)	95	31/10/2025
78	CVRE2407	2.0000 : 1	2,500	6,550	VRE	16,000	29,100	28,450	(3.0)	95	31/10/2025
79	CFPT2509	21.5616 : 1	1,000	550	FPT	120,744	132,603	107,000	(20.0)	110	17/11/2025
80	CHDB2504	4.0000 : 1	1,000	920	HDB	26,666	30,346	27,000	(11.9)	110	17/11/2025
81	CHPG2514	3.3309 : 1	1,000	800	HPG	26,369	29,034	25,150	(13.2)	110	17/11/2025
82	CMSN2508	10.0000 : 1	1,000	580	MSN	79,777	85,577	72,500	(15.2)	110	17/11/2025
83	CMWG2507	9.8582 : 1	1,000	840	MWG	65,720	74,001	65,200	(11.0)	110	17/11/2025
84	CSHB2504	1.9270 : 1	1,000	2,710	SHB	12,910	18,132	17,400	(8.3)	110	17/11/2025
85	CSSB2503	4.0000 : 1	1,000	250	SSB	22,345	23,345	19,600	(16.2)	110	17/11/2025
86	CSTB2510	4.0000 : 1	1,000	2,260	STB	43,999	53,039	49,400	(7.2)	110	17/11/2025
87	CVHM2508	5.0000 : 1	1,000	7,900	VHM	54,444	93,944	89,900	(3.5)	110	17/11/2025
88	CVIC2507	5.0000 : 1	1,000	10,100	VIC	58,888	109,388	104,000	(2.0)	110	17/11/2025
89	CVNM2508	7.7265 : 1	1,000	470	VNM	67,606	71,237	60,000	(13.7)	110	17/11/2025
90	CVPB2509	1.9471 : 1	1,100	2,340	VPB	22,066	26,622	25,800	(5.2)	110	17/11/2025
91	CVRE2509	4.0000 : 1	1,000	1,990	VRE	21,555	29,515	28,450	(4.4)	110	17/11/2025
92	CHPG2526	4.0000 : 1	1,000	840	HPG	27,111	30,471	25,150	(17.3)	124	01/12/2025
93	CLPB2504	4.0000 : 1	1,100	980	LPB	35,656	39,576	34,500	(13.2)	124	01/12/2025

94	CMSN2517	10.0000 : 1	1,000	780	MSN	86,688	94,488	72,500	(23.2)	124	01/12/2025
95	CSHB2507	2.0000 : 1	1,000	2,420	SHB	14,666	19,506	17,400	(14.7)	124	01/12/2025
96	CSSB2505	2.0000 : 1	1,000	1,300	SSB	20,222	22,822	19,600	(14.2)	124	01/12/2025
97	CSTB2522	5.0000 : 1	1,000	1,260	STB	54,567	60,867	49,400	(19.2)	124	01/12/2025
98	CVHM2517	5.0000 : 1	1,100	3,010	VHM	88,888	103,938	89,900	(12.8)	124	01/12/2025
99	CVIB2509	3.5130 : 1	1,000	1,000	VIB	18,388	21,901	19,000	(13.0)	124	01/12/2025
100	CVIC2510	8.0000 : 1	1,100	2,180	VIC	109,999	127,439	104,000	(15.8)	124	01/12/2025
101	CVJC2504	20.0000 : 1	1,000	1,460	VJC	97,979	127,179	119,000	(6.2)	124	01/12/2025
102	CVNM2516	8.0000 : 1	1,000	1,220	VNM	63,999	73,759	60,000	(16.7)	124	01/12/2025
103	CVPB2517	4.0000 : 1	1,000	1,850	VPB	19,999	27,399	25,800	(7.8)	124	01/12/2025
104	CVRE2517	2.0000 : 1	1,100	2,100	VRE	27,999	32,199	28,450	(12.4)	124	01/12/2025
105	CTCB2513	5.0000 : 1	1,100	850	TCB	41,888	46,138	34,100	(26.0)	126	03/12/2025
106	CHPG2521	3.3309 : 1	1,200	1,070	HPG	23,316	26,880	25,150	(6.3)	132	09/12/2025
107	CSHB2506	2.0000 : 1	1,400	2,400	SHB	14,200	19,000	17,400	(12.5)	132	09/12/2025
108	CSTB2518	4.0000 : 1	1,300	2,110	STB	44,000	52,440	49,400	(6.2)	132	09/12/2025
109	CACB2508	1.6712 : 1	2,100	1,580	ACB	21,726	24,366	23,000	(5.8)	136	11/12/2025
110	CFPT2515	8.6247 : 1	2,500	1,300	FPT	106,945	118,157	107,000	(10.3)	136	11/12/2025
111	CHPG2520	1.6654 : 1	2,200	2,190	HPG	23,316	26,963	25,150	(6.5)	136	11/12/2025
112	CLPB2501	4.6575 : 1	1,200	600	LPB	36,329	39,124	34,500	(12.2)	136	11/12/2025
113	CMBB2513	2.0000 : 1	1,900	1,570	MBB	26,000	29,140	27,150	(6.7)	136	11/12/2025
114	CMSN2514	5.0000 : 1	2,300	2,000	MSN	68,000	78,000	72,500	(7.0)	136	11/12/2025
115	CMWG2513	4.9291 : 1	2,200	1,390	MWG	66,050	72,901	65,200	(9.6)	136	11/12/2025
116	CSTB2517	2.0000 : 1	3,400	3,680	STB	45,000	52,360	49,400	(6.0)	136	11/12/2025
117	CTCB2509	2.0000 : 1	2,300	1,830	TCB	34,000	37,660	34,100	(9.4)	136	11/12/2025
118	CVHM2514	5.0000 : 1	1,600	4,280	VHM	72,000	93,400	89,900	(2.9)	136	11/12/2025
119	CVIB2505	1.7565 : 1	1,600	1,870	VIB	16,687	19,972	19,000	(4.6)	136	11/12/2025
120	CVNM2513	4.8291 : 1	1,900	1,060	VNM	60,846	65,965	60,000	(6.8)	136	11/12/2025
121	CVPB2515	1.9471 : 1	1,600	3,960	VPB	18,497	26,208	25,800	(3.7)	136	11/12/2025
122	CVRE2513	2.0000 : 1	1,600	1,300	VRE	30,000	32,600	28,450	(13.4)	136	11/12/2025
123	CHPG2515	3.3309 : 1	1,000	800	HPG	26,832	29,497	25,150	(14.6)	140	17/12/2025
124	CMSN2509	10.0000 : 1	1,000	550	MSN	81,999	87,499	72,500	(17.1)	140	17/12/2025
125	CSTB2511	4.0000 : 1	1,000	2,350	STB	44,999	54,399	49,400	(9.5)	140	17/12/2025
126	CVHM2509	5.0000 : 1	1,000	6,920	VHM	56,666	91,266	89,900	(0.6)	140	17/12/2025
127	CVIC2508	5.0000 : 1	1,000	9,640	VIC	60,999	109,199	104,000	(1.8)	140	17/12/2025
128	CVRE2510	4.0000 : 1	1,000	1,820	VRE	22,111	29,391	28,450	(4.0)	140	17/12/2025
129	CMBB2514	3.0000 : 1	2,100	1,730	MBB	24,000	29,190	27,150	(6.8)	144	19/12/2025
130	CMSN2515	8.0000 : 1	2,400	2,000	MSN	64,000	80,000	72,500	(9.3)	144	19/12/2025
131	CMWG2514	4.9291 : 1	2,650	1,790	MWG	63,092	71,915	65,200	(8.4)	144	19/12/2025
132	CTCB2510	3.0000 : 1	2,800	2,070	TCB	31,000	37,210	34,100	(8.3)	144	19/12/2025
133	CTPB2504	2.0000 : 1	1,800	1,880	TPB	13,000	16,760	15,700	(6.6)	144	19/12/2025
134	CVHM2515	5.0000 : 1	4,000	7,000	VHM	61,000	96,000	89,900	(5.5)	144	19/12/2025
135	CVIB2507	1.7565 : 1	2,400	1,900	VIB	14,930	18,267	19,000	4.3	144	19/12/2025
136	CVRE2515	2.0000 : 1	3,000	3,600	VRE	24,000	31,200	28,450	(9.6)	144	19/12/2025
137	CLPB2505	4.0000 : 1	1,100	1,050	LPB	36,688	40,888	34,500	(16.0)	157	02/01/2026
138	CFPT2505	8.6247 : 1	2,730	630	FPT	136,269	141,703	107,000	(25.2)	161	07/01/2026
139	CHPG2506	3.3309 : 1	1,220	1,350	HPG	23,150	27,647	25,150	(8.8)	161	07/01/2026
140	CTCB2504	6.0000 : 1	1,100	2,000	TCB	24,500	36,500	34,100	(6.5)	161	07/01/2026
141	CFPT2511	8.6247 : 1	2,400	1,530	FPT	106,945	120,141	107,000	(11.8)	164	08/01/2026

142	CMBB2509	2.0000 : 1	2,400	2,440	MBB	24,500	29,380	27,150	(7.4)	164	08/01/2026
143	CMSN2511	8.0000 : 1	1,700	2,200	MSN	59,000	76,600	72,500	(5.3)	164	08/01/2026
144	CMWG2509	7.8865 : 1	1,400	2,170	MWG	53,727	70,841	65,200	(7.0)	164	08/01/2026
145	CSTB2513	4.0000 : 1	2,000	3,220	STB	39,000	51,880	49,400	(5.1)	164	08/01/2026
146	CTPB2502	1.8644 : 1	1,400	1,960	TPB	13,051	16,705	15,700	(6.3)	164	08/01/2026
147	CVHM2510	4.0000 : 1	2,600	8,580	VHM	57,500	91,820	89,900	(1.2)	164	08/01/2026
148	CVIC2509	4.0000 : 1	3,000	10,860	VIC	68,000	111,440	104,000	(3.8)	164	08/01/2026
149	CVNM2510	7.7265 : 1	1,600	1,090	VNM	58,915	67,337	60,000	(8.7)	164	08/01/2026
150	CVPB2511	1.9471 : 1	2,000	4,420	VPB	18,011	26,617	25,800	(5.1)	164	08/01/2026
151	CACB2509	3.0000 : 1	1,800	1,450	ACB	20,500	24,850	23,000	(7.6)	175	21/01/2026
152	CFPT2516	8.6984 : 1	2,400	1,890	FPT	102,641	119,081	107,000	(11.0)	175	21/01/2026
153	CVNM2514	8.0000 : 1	1,700	1,280	VNM	56,000	66,240	60,000	(7.2)	175	21/01/2026
154	CLPB2506	5.0000 : 1	1,100	890	LPB	37,399	41,849	34,500	(17.9)	186	30/01/2026
155	CSHB2508	2.0000 : 1	1,000	2,420	SHB	14,888	19,728	17,400	(15.7)	186	30/01/2026
156	CSSB2506	2.0000 : 1	1,000	1,480	SSB	20,555	23,515	19,600	(16.8)	186	30/01/2026
157	CVNM2517	10.0000 : 1	1,000	850	VNM	66,888	75,388	60,000	(18.5)	186	30/01/2026
158	CVPB2518	4.0000 : 1	1,000	1,780	VPB	20,999	28,119	25,800	(10.2)	186	30/01/2026
159	CFPT2508	6.8997 : 1	4,900	960	FPT	133,682	140,306	107,000	(24.4)	188	03/02/2026
160	CHPG2510	2.4982 : 1	2,400	1,560	HPG	24,149	28,046	25,150	(10.1)	188	03/02/2026
161	CMBB2507	2.0000 : 1	3,000	2,700	MBB	24,000	29,400	27,150	(7.5)	188	03/02/2026
162	CFPT2510	21.5616 : 1	1,000	640	FPT	132,819	146,618	107,000	(27.7)	206	19/02/2026
163	CHDB2505	4.0000 : 1	1,000	930	HDB	27,777	31,497	27,000	(15.2)	206	19/02/2026
164	CHPG2516	3.3309 : 1	1,000	1,000	HPG	27,572	30,903	25,150	(18.5)	206	19/02/2026
165	CMSN2510	10.0000 : 1	1,000	820	MSN	83,399	91,599	72,500	(20.8)	206	19/02/2026
166	CMWG2508	9.8582 : 1	1,000	1,030	MWG	71,964	82,118	65,200	(19.8)	206	19/02/2026
167	CSHB2505	1.9270 : 1	1,000	2,650	SHB	13,295	18,402	17,400	(9.6)	206	19/02/2026
168	CSSB2504	4.0000 : 1	1,000	390	SSB	23,123	24,683	19,600	(20.7)	206	19/02/2026
169	CSTB2512	4.0000 : 1	1,100	2,310	STB	45,999	55,239	49,400	(10.9)	206	19/02/2026
170	CVNM2509	7.7265 : 1	1,000	700	VNM	69,537	74,946	60,000	(18.0)	206	19/02/2026
171	CVPB2510	1.9471 : 1	1,100	2,400	VPB	23,040	27,713	25,800	(8.9)	206	19/02/2026
172	CLPB2507	5.0000 : 1	1,100	950	LPB	37,979	42,729	34,500	(19.6)	214	27/02/2026
173	CTPB2505	4.0000 : 1	1,000	990	TPB	15,678	19,638	15,700	(20.3)	214	27/02/2026
174	CVIB2510	3.5130 : 1	1,000	1,240	VIB	19,223	23,579	19,000	(19.2)	214	27/02/2026
175	CVJC2505	20.0000 : 1	1,000	1,470	VJC	106,868	136,268	119,000	(12.5)	214	27/02/2026
176	CHPG2522	2.4982 : 1	2,300	2,430	HPG	21,651	27,722	25,150	(9.1)	234	19/03/2026
177	CMBB2515	3.0000 : 1	1,750	1,390	MBB	27,000	31,170	27,150	(12.7)	234	19/03/2026
178	CSTB2520	3.0000 : 1	3,300	2,300	STB	48,000	54,900	49,400	(10.4)	234	19/03/2026
179	CTCB2511	3.0000 : 1	2,200	1,850	TCB	35,000	40,550	34,100	(15.9)	234	19/03/2026
180	CACB2502	1.6712 : 1	2,500	1,610	ACB	23,397	26,088	23,000	(12.0)	237	24/03/2026
181	CFPT2503	8.6247 : 1	2,800	450	FPT	155,243	159,124	107,000	(33.4)	237	24/03/2026
182	CHPG2505	1.6654 : 1	2,600	2,000	HPG	24,982	28,313	25,150	(11.0)	237	24/03/2026
183	CMBB2504	1.7377 : 1	2,300	3,270	MBB	23,459	29,141	27,150	(6.7)	237	24/03/2026
184	CMWG2504	4.9291 : 1	2,900	1,700	MWG	65,064	73,443	65,200	(10.3)	237	24/03/2026
185	CVNM2503	4.7916 : 1	2,600	1,070	VNM	66,123	71,250	60,000	(13.7)	237	24/03/2026
186	CVPB2502	1.9471 : 1	1,900	3,480	VPB	20,444	27,220	25,800	(7.2)	237	24/03/2026
187	CLPB2508	8.0000 : 1	1,100	700	LPB	38,688	44,288	34,500	(22.5)	245	01/04/2026
188	CSHB2509	2.0000 : 1	1,100	2,620	SHB	15,222	20,462	17,400	(18.7)	245	01/04/2026
189	CSSB2507	4.0000 : 1	1,000	800	SSB	20,999	24,199	19,600	(19.1)	245	01/04/2026

190	CVNM2518	10.0000 : 1	1,000	1,110	VNM	68,111	79,211	60,000	(22.4)	245	01/04/2026
191	CVPB2519	4.0000 : 1	1,000	1,930	VPB	21,888	29,608	25,800	(14.7)	245	01/04/2026
192	CMBB2505	3.0000 : 1	1,540	2,310	MBB	22,800	29,730	27,150	(8.5)	251	07/04/2026
193	CVHM2503	7.0000 : 1	1,480	6,960	VHM	42,000	90,720	89,900	(0.0)	251	07/04/2026
194	CVPB2504	2.9206 : 1	1,460	2,750	VPB	19,471	27,503	25,800	(8.2)	251	07/04/2026
195	CFPT2512	8.6247 : 1	2,800	1,880	FPT	108,670	124,884	107,000	(15.1)	255	09/04/2026
196	CHPG2517	1.6654 : 1	3,000	3,740	HPG	21,234	27,463	25,150	(8.2)	255	09/04/2026
197	CMBB2510	2.0000 : 1	2,800	3,070	MBB	24,500	30,640	27,150	(11.2)	255	09/04/2026
198	CMWG2510	7.8865 : 1	1,600	2,270	MWG	54,220	72,122	65,200	(8.7)	255	09/04/2026
199	CSTB2514	4.0000 : 1	2,200	3,480	STB	39,500	53,420	49,400	(7.9)	255	09/04/2026
200	CVHM2511	4.0000 : 1	3,000	9,000	VHM	58,000	94,000	89,900	(3.5)	255	09/04/2026
201	CVPB2512	1.9471 : 1	2,200	4,610	VPB	18,497	27,473	25,800	(8.1)	255	09/04/2026
202	CVRE2511	2.0000 : 1	2,300	4,390	VRE	21,500	30,280	28,450	(6.8)	255	09/04/2026
203	CHPG2527	4.0000 : 1	1,000	1,390	HPG	27,444	33,004	25,150	(23.6)	276	30/04/2026
204	CMSN2518	10.0000 : 1	1,100	1,280	MSN	89,999	102,799	72,500	(29.4)	276	30/04/2026
205	CSHB2510	2.0000 : 1	1,100	2,580	SHB	15,444	20,604	17,400	(19.3)	276	30/04/2026
206	CSSB2508	4.0000 : 1	1,000	880	SSB	21,666	25,186	19,600	(22.3)	276	30/04/2026
207	CSTB2523	8.0000 : 1	1,100	1,250	STB	56,868	66,868	49,400	(26.4)	276	30/04/2026
208	CVHM2518	8.0000 : 1	1,100	2,720	VHM	90,999	112,759	89,900	(19.6)	276	30/04/2026
209	CVIC2511	8.0000 : 1	1,100	2,570	VIC	113,979	134,539	104,000	(20.3)	276	30/04/2026
210	CVNM2519	10.0000 : 1	1,100	1,050	VNM	68,999	79,499	60,000	(22.7)	276	30/04/2026
211	CVPB2520	4.0000 : 1	1,000	1,860	VPB	22,222	29,662	25,800	(14.9)	276	30/04/2026
212	CVRE2518	4.0000 : 1	1,100	1,470	VRE	28,999	34,879	28,450	(19.1)	276	30/04/2026
213	CFPT2513	11.2120 : 1	1,700	790	FPT	116,433	125,290	107,000	(15.4)	292	18/05/2026
214	CHPG2518	2.4982 : 1	1,700	1,770	HPG	23,316	27,738	25,150	(9.1)	292	18/05/2026
215	CMBB2511	3.0000 : 1	1,800	1,630	MBB	25,000	29,890	27,150	(9.0)	292	18/05/2026
216	CMSN2512	7.0000 : 1	2,200	2,690	MSN	60,000	78,830	72,500	(8.0)	292	18/05/2026
217	CMWG2511	5.9149 : 1	2,400	1,810	MWG	63,092	73,798	65,200	(10.7)	292	18/05/2026
218	CSTB2515	3.0000 : 1	2,900	4,330	STB	40,000	52,990	49,400	(7.1)	292	18/05/2026
219	CTCB2507	3.0000 : 1	2,800	2,930	TCB	28,500	37,290	34,100	(8.5)	292	18/05/2026
220	CTPB2503	2.0000 : 1	1,700	1,980	TPB	13,000	16,960	15,700	(7.7)	292	18/05/2026
221	CVHM2512	4.0000 : 1	2,950	10,800	VHM	58,000	101,200	89,900	(10.4)	292	18/05/2026
222	CVIB2504	1.7565 : 1	1,900	2,240	VIB	16,687	20,622	19,000	(7.6)	292	18/05/2026
223	CVNM2511	6.0000 : 1	2,200	1,850	VNM	55,000	66,100	60,000	(7.0)	292	18/05/2026
224	CVPB2513	2.0000 : 1	2,500	4,320	VPB	18,000	26,640	25,800	(5.2)	292	18/05/2026
225	CVRE2512	2.0000 : 1	2,900	3,930	VRE	23,500	31,360	28,450	(10.0)	292	18/05/2026
226	CVRE2519	4.0000 : 1	1,100	1,440	VRE	29,999	35,759	28,450	(21.1)	306	01/06/2026
227	CACB2510	2.0000 : 1	1,800	1,880	ACB	22,500	26,260	23,000	(12.6)	326	19/06/2026
228	CFPT2517	8.6984 : 1	2,300	2,080	FPT	106,990	125,083	107,000	(15.2)	326	19/06/2026
229	CHPG2524	1.6654 : 1	2,500	2,980	HPG	23,733	28,696	25,150	(12.2)	326	19/06/2026
230	CLPB2503	4.0000 : 1	1,600	1,480	LPB	35,000	40,920	34,500	(16.1)	326	19/06/2026
231	CMBB2516	2.0000 : 1	2,200	2,190	MBB	26,500	30,880	27,150	(11.9)	326	19/06/2026
232	CMSN2516	4.0000 : 1	3,300	3,320	MSN	72,000	85,280	72,500	(14.9)	326	19/06/2026
233	CMWG2515	3.9433 : 1	3,100	2,820	MWG	67,035	78,155	65,200	(15.7)	326	19/06/2026
234	CSTB2521	4.0000 : 1	2,200	2,150	STB	50,000	58,600	49,400	(16.0)	326	19/06/2026
235	CTCB2512	2.0000 : 1	2,800	2,370	TCB	37,000	41,740	34,100	(18.3)	326	19/06/2026
236	CVHM2516	4.0000 : 1	3,400	5,770	VHM	79,000	102,080	89,900	(11.2)	326	19/06/2026
237	CVIB2508	1.7565 : 1	1,500	2,390	VIB	16,687	20,885	19,000	(8.7)	326	19/06/2026

238	CVNM2515	4.0000 : 1	2,300	2,410	VNM	60,000	69,640	60,000	(11.7)	326	19/06/2026
239	CVPB2516	2.0000 : 1	1,700	3,860	VPB	20,000	27,720	25,800	(8.9)	326	19/06/2026
240	CVRE2516	2.0000 : 1	2,800	3,360	VRE	26,000	32,720	28,450	(13.8)	326	19/06/2026
241	CHPG2523	2.4982 : 1	2,000	2,100	HPG	24,149	29,395	25,150	(14.3)	326	19/06/2026
242	CSTB2519	3.0000 : 1	3,000	2,440	STB	51,000	58,320	49,400	(15.6)	326	19/06/2026
243	CACB2511	2.0000 : 1	2,000	2,060	ACB	23,000	27,120	23,000	(15.4)	418	21/09/2026
244	CFPT2518	8.6984 : 1	2,600	2,520	FPT	106,990	128,910	107,000	(17.8)	418	21/09/2026
245	CHPG2525	1.6654 : 1	2,800	3,260	HPG	24,149	29,578	25,150	(14.8)	418	21/09/2026
246	CMBB2517	2.0000 : 1	2,400	2,500	MBB	27,000	32,000	27,150	(15.0)	418	21/09/2026

Nguồn: Bloomberg, FiinproX, KIS Research

CW: Chứng quyền, Sắp xếp theo Ngày giao dịch cuối cùng

Miễn Trừ Trách Nhiệm

Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing cho chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi phòng phân tích của KIS Vietnam Securities Corp., công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chép, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của KIS Vietnam Securities Corp..

Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. KIS Vietnam Securities Corp. không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. KIS Vietnam Securities Corp., hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của KIS Vietnam Securities Corp.. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.

Bản quyền © 2025 của KIS Vietnam Securities Corp.. Báo cáo này không được sao chép, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của KIS Vietnam Securities Corp..